TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 753/14, hẻm B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Ngô Thanh P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 753/14, hẻm B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

(Bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn xin vắng mặt; ông Ngô Thanh P vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Thanh P tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại `` vào ngày 04/12/2006. Hôn nhân lần thứ nhất của bà và ông Ngô Thanh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do mâu thuẫn về kinh tế; ông Ngô Thanh P không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên cờ bạc, rượu chè và không quan tâm đến vợ con. Ông bà đã chính thức ly thân khoảng 01 năm nay. Nay, bà xác định tình cảm của bà dành cho ông Ngô Thanh P không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Thanh P.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có một con chung tên Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007. Hiện nay con chung đang sinh sống với bà; bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; yêu cầu ông Ngô Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Ngô Thanh P vẫn vắng mặt; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 05/6/2019 với lý do bận công việc.

- Bị đơn ông Ngô Thanh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 và Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và

nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với ông Ngô Thanh P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007 cho bà Ngô Thị Tuyết M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để ổn định về cuộc sống của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu của bà M là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Thanh P. Ông Ngô Thanh P có hộ khẩu thường trú tại thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn đề ngày 05/6/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà do bận công việc.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Ngô Thanh P theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Ngô Thanh P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Đồng thời, Tòa án tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Ngô Thanh P và được Công an phường M, thành phố L, tỉnh A cung cấp thông tin: Ông Ngô Thanh P,

sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 753/14, hẻm B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tuyết M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Thanh P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 239/KH.ML, quyển số 02/2006, ngày 04/12/2006 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chứng cứ bà Nguyễn Thị Tuyết M đưa ra để yêu cầu ly hôn ông Ngô Thanh P là do mâu thuẫn về kinh tế, ông Ngô Thanh P không có nghề nghiệp ổn định, không chăm lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay. Mặc dù những mâu thuẫn trên đã được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng bà xác định đời sống chung giữa bà và ông Ngô Thanh P không hạnh phúc, tình cảm của bà dành cho ông Ngô Thanh P không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Thanh P.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Ngô Thanh P vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Đồng thời, ông Ngô Thanh P cũng không thực hiện việc cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông Ngô Thanh P không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm gia đình với bà Nguyễn Thị Tuyết M, phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết M trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố

L tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A thể hiện: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Thanh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 04/12/2006. Trong quá trình sống chung, ông bà có một con chung tên Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn địa phương không nắm.

Thấy rằng, thực tế hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Thanh P đã không còn tồn tại. Ông bà không còn sống chung và đã ly thân khoảng hơn một năm nay. Đồng thời, ông bà cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Mặt khác, về phía bà Nguyễn Thị Tuyết M mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tạo điều kiện hòa giải với ông Ngô Thanh P nhưng bà Nguyễn Thị Tuyết M vẫn kiên quyết ly hôn với ông Ngô Thanh P. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Thanh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn ông Ngô Thanh P.

[2.2] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007. Bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, yêu cầu ông Ngô Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày, sau khi vợ chồng sống ly thân thì con chung đang sinh sống ổn định cùng bà. Thấy rằng, từ khi bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Thanh P ly thân đến nay, con chung đang sinh sống ổn định cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Tuyết M. Quá trình Tòa án giải quyết, ông Ngô Thanh P không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Tại Biên bản ghi nguyện vọng của cháu Ngô Nhã Q, cháu Q có nguyện vọng được sinh sống ổn định cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Tuyết M. Xét thấy, cần thiết ổn định về nơi ở, điều kiện học tập và để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung; Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007 cho bà Nguyễn Thị Tuyết M chăm

sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu ông Ngô Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Ngô Thanh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về mức cấp dưỡng quy định: "Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết". Tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về phương thức cấp dưỡng quy định: "Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần". Ông Ngô Thanh P không tham dự phiên tòa nên các bên không tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con nên mức cấp dưỡng nuôi con sẽ do Tòa án quyết định. Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết M trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Ngô Thanh P không có nghề nghiệp ổn định và mức thu nhập không cao. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu Q, Hội đồng xét xử buộc ông Ngô Thanh P cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở hiện nay là phù hợp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, buộc ông Ngô Thanh P phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007 mỗi tháng với số tiền là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Ngô Nhã Q đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy

định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 12/7/2019. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Ngô Thanh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002833, ngày 27/03/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

- Ông Ngô Thanh P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm cấp dưỡng của người có nghĩa vụ nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 232; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và bị đơn ông

Ngô Thanh P.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn ông Ngô Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 239/KH.ML, quyển số 02/2006, ngày 04/12/2006 do Ủy ban nhân dân phường M cấp mang tên Ngô Thanh P và Nguyễn Thị Tuyết M không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007 cho bà Nguyễn Thị Tuyết M được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Ngô Thanh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ông Ngô Thanh P phải cấp dưỡng nuôi con chung Ngô Nhã Q, sinh ngày 27/4/2007 mỗi tháng với số tiền 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Ngô Nhã Q đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 12/7/2019. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002833, ngày 27/03/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L, tỉnh A. Bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí.

- Ông Ngô Thanh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm cấp dưỡng của người có nghĩa vụ nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND. TP Long Xuyên;
- Chi cục THADSTP. Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu